

Bản án số: 63/2022/DS-ST
Ngày 29 – 4 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh G, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp M, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dương Thành N; nơi cư trú: Ấp M, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Mỹ N1; nơi cư trú: Ấp M, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Ông Phạm Văn D; nơi cư trú: Ấp T2, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị B; nơi cư trú: Ấp T2, xã T1, huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Nguyễn Văn C, thể hiện:*

Vào năm 2014 ông thỏa thuận bán thuốc, thức ăn cho ông Trần Minh G về

bán lại cho các hộ dân nuôi tôm công nghiệp, ông G có nghĩa vụ trả tiền cho ông các khoản thuốc, thức ăn mà ông G đã nhận để bán lại. Đến ngày 16/12/2016 tiến hành đối chiếu công nợ, ông G thừa nhận thiếu số tiền 397.333.000 đồng và cam kết trả dần nhưng không thực hiện. Sau đó, ông đã liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng ông G vẫn không trả. Do vậy, ông yêu cầu ông G trả số tiền còn thiếu là 397.333.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông C xác định: Ông trực tiếp thỏa thuận việc mua bán thức ăn với ông G, ngoài ra ông không có thỏa thuận mua bán, không nhận bàn giao khoản nợ của người khác từ ông G và không nhận lại thuốc, thức ăn của toa, vé đã bán cho ông G.

** Theo văn bản giải trình ngày 19/7/2021, đơn xin giảm án phí ngày 17/7/2021 của ông Trần Minh G thể hiện:* Vào năm 2014, ông C thỏa thuận để ông làm đại lý bán thức ăn tôm cho ông C và ông được hưởng 10% thức ăn, 15% thuốc. Sau đó, do ông C không trích %, ông không bán tiếp cho ông C và có một số người nợ lại tiền thuốc, thức ăn nên ông đã bàn giao cho ông C thu hồi nợ các khoản nợ, gồm:

- Ông Nguyễn Hoàng K số tiền 45.070.000 đồng.
- Ông Dương Thành N, bà Nguyễn Mỹ N1 số tiền 50.476.000 đồng.
- Ông Phạm Văn P, bà Nguyễn Thu H số tiền 17.137.000 đồng.
- Ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị B số tiền 77.476.000 đồng.

Ngoài ra, toa thức ăn, thuốc ngày 14/5 do không bán nữa nên ông đã gửi lại cho ông C có giá trị là 58.856.000 đồng.

Do đó, Ông G yêu cầu những người còn thiếu số tiền trên có nghĩa vụ trả lại cho ông C.

** Đối với ông Dương Thành N, bà Nguyễn Mỹ N1, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị B:* Đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện C, ý kiến của ông G và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh G trả số tiền mua bán thuốc, thức ăn thủy sản nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng mua bán thuốc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết, ông G xác định khi nhận thuốc, thức ăn từ đại lý của ông C về ông bán lại cho ông Nguyễn Hoàng K, ông Dương Thành N, bà Nguyễn Mỹ N1, ông Phạm Văn P, bà Nguyễn Thu H, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị B; khi các đương sự này còn thiếu tiền thì ông G đã bàn giao khoản nợ này cho ông C thu hồi. Tòa án đã đưa các đương sự này vào tham gia tố tụng; tuy nhiên, qua xác nhận của địa phương thì ông K, ông P và bà H từ trước đến nay không có mặt tại địa phương; Tòa

án đã triệu tập ông G để làm rõ vấn đề này nhưng ông G không có mặt nên không có căn cứ xác định địa chỉ của ông K, ông P và bà H nên Tòa án không đưa các đương sự này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án.

[3] Ông G, ông N, bà N1, ông D và bà B đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp.

[4] Theo giấy xác nhận ngày 16/12/2016 thì ông G thừa nhận thiếu ông C số tiền 397.333.000 đồng; ông G không có ý kiến phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Theo ông G, khi chấm dứt mua, bán thức ăn, thuốc thì một số người còn thiếu nợ và ông đã giao lại cho ông C thu hồi gồm: Ông Nguyễn Hoàng K số tiền 45.070.000 đồng, ông Dương Thành N, bà Nguyễn Mỹ N1 số tiền 50.476.000 đồng, ông Phạm Văn P, bà Nguyễn Thu H số tiền 17.137.000 đồng, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị B số tiền 77.476.000 đồng; ngoài ra đối với toa thức ăn mua ngày 14/5 do không tiếp tục bán nên đã gửi trả lại cho ông C có giá trị 58.856.000 đồng.

Ngoài lời trình bày thì ông G không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho các nội dung ông G đặt ra; trong khi đó, ông K, ông P, bà H không sinh sống tại địa chỉ nơi ông G đã cung cấp cho Tòa án; ông N, bà N1, ông D, bà B Tòa án đã đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan nhưng các đương sự này không có ý kiến gì về số tiền còn thiếu và việc chuyển giao thu hồi nợ như nội dung ông G đặt ra; đối với toa thức ăn mua ngày 14/5 ông G xác định đã trả lại cho ông C nhưng không thể hiện năm nào. Trong khi đó, ông C không thừa nhận các nội dung như ông G xác định nên ông G phải chịu hậu quả của việc không chứng minh và ông G phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Điều 440 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền còn thiếu của ông C là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ sự phân tích như trên, việc ông C khởi kiện yêu cầu ông G trả số tiền 397.333.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 16/12/2016 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Đối với các khoản nợ của ông Nguyễn Hoàng K, ông Dương Thành N, bà Nguyễn Mỹ N1, ông Phạm Văn P, bà Nguyễn Thu H, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị B thì ông G sẽ thỏa thuận với các đương sự này để thu hồi nợ. Khi không thỏa thuận được và có phát sinh tranh chấp thì ông G có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông G chịu số tiền là 9.933.325 đồng (397.333.000 đồng đồng x 5% x 50%) (ông G có đơn nên được xét giảm 50%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Buộc ông Trần Minh G trả cho ông C số tiền 397.333.000 đồng (ba trăm chín mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông C cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông G phải chịu 9.933.325 đồng (chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) (chưa nộp).

- Ông C không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông C số tiền 9.933.000 đồng (chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012239 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn